

Bản án số: 2871/2022/KDTM-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3781/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4392/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Địa chỉ: phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu Th

Địa chỉ: Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

(văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giao nhận Vận tải C

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn Th - Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có bà Trần Thị Thu Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/12/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giao nhận Vận tải C (sau đây viết tắt là Công ty C) ký Hợp đồng cho vay số: 107/2016/HDTD/BTA/01 và Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại TPBank mã số 001, với nội dung: Ngân hàng cho Công ty vay 448.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, mục đích vay mua xe ô tô.

Thực hiện hợp đồng, Công ty đã ký Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 107/2016/GNN/BTA/01 ngày 26/12/2016. Ngày 27/12/2016, Ngân hàng đã giải ngân 448.000.000 đồng cho Công ty, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 7,9%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,5%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay này, Công ty đã thế chấp tài sản bảo đảm là xe đầu kéo, nhãn hiệu International Prostar, màu xanh, biển số 51C-931.40, số khung 1HSDJSJRXCJ046576, số máy 125HM2Y4138244 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 227798 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/2016 mang tên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giao nhận Vận tải C theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 107/2016/HDBD/BTA/01 ngày 26/12/2016 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/12/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 159.930.797 đồng, trong đó trả tiền nợ gốc là 121.602.222 đồng, trả tiền lãi là 38.328.575 đồng. Kể từ ngày 27/02/2018, Công ty không thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/7/2022, Công ty còn nợ Ngân hàng 538.102.377 đồng, trong đó nợ gốc là 326.397.778 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.590.403 đồng, nợ lãi quá hạn là 161.114.196 đồng.

Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ là 538.102.377 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/7/2022 theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp, Công ty không thanh toán đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe đầu kéo, nhãn hiệu International Prostar, màu xanh, biển số 51C-931.04, số khung

1HSDJSJRXCJ046576, số máy 125HM2Y4138244 theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 107/2016/HDBD/BTA/01 ngày 26/12/2016 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn Công ty đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng được xác lập giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty Chiến Thắng có trụ sở tại thành phố Thủ Đức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thị Thu Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th. Công ty đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty .

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Căn cứ Hợp đồng cho vay số: 107/2016/HDTD/BTA/01ĐTD ngày 26/12/2016 và Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại TPBANK mã số 001 ngày 26/12/2016 có đủ cơ sở xác định Ngân hàng và Công ty đã thiết lập quan hệ tín dụng.

[5] Căn cứ Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 107/2016/GNN/BTA/01 ngày 26/12/2016 thể hiện Ngân hàng đã cho Công ty vay số tiền 448.000.000 đồng, lãi suất 7,9%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần và

bằng lãi suất cơ sở khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 3,5%/năm, trả lãi 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng.

[6] Căn cứ điểm a khoản 4.6 Điều 4, điểm c khoản 5.1.1 Điều 5 Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại TPBANK mã số 001 ngày 26/12/2016, Bảng tính lãi chi tiết nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ thì bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc, tiền lãi đúng hạn nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn, đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên tính đến ngày 29/7/2022 Công ty còn nợ Ngân hàng 326.397.778 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 50.590.403 đồng, nợ lãi quá hạn là 161.114.196 đồng. Tổng cộng là 538.102.377 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả số nợ nêu trên và tiền lãi tính từ ngày 30/7/2022 theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ.

[7] Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 107/2016/HDBD/BTA/01 ngày 26/12/2016, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là Công ty cho thấy, Công ty đã thế chấp xe đầu kéo, nhãn hiệu Internationnal Prostar, màu xanh, biển số 51C-931.04, số khung 1HSDJSJRXCJ046576, số máy 125HM2Y4138244 cho Ngân hàng, xe đầu kéo này do Công ty đứng tên sở hữu, hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Việc bị đơn không thanh toán nợ đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc 326.397.778 đồng, nợ lãi trong hạn là 50.590.403 đồng, nợ lãi quá hạn là 161.114.196 đồng. Tổng cộng là 538.102.377 đồng. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[10] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.524.095 đồng (20.000.000 đồng + 138.102.377 đồng x 4% = 25.524.095 đồng).

[11] Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 299, Điều 303, Điều 307 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số: 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2003 của Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

Buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền 538.102.377 (năm trăm ba mươi tám triệu một trăm lẻ hai ngàn ba trăm bảy mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 326.397.778 (ba trăm hai mươi sáu triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn là 50.590.403 (năm mươi triệu năm trăm chín mươi ngàn bốn trăm lẻ ba đồng) đồng, nợ lãi quá hạn là 161.114.196 (một trăm sáu mươi một triệu một trăm mười bốn ngàn một trăm chín mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 30/7/2022, Công ty còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi Công ty trả hết nợ, Ngân hàng có trách nhiệm làm thủ tục xóa thế chấp và trả lại cho Công ty bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 227798 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/2016 mang tên Công ty.

Trường hợp Công ty không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe đầu kéo, nhãn hiệu Internationnal Prostar, màu xanh, biển số 51C-931.40, số khung 1HSDJSJRXCJ046576, số máy 125HM2Y4138244 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 227798 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/2016 mang tên Công ty.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.524.095 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn không trăm chín mươi lăm) đồng.

Trả lại cho Ngân 8.471.817 (tám triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn tám trăm mười bảy) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2018/0009414 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường